

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Võ Thị T; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2022 và bản tự khai ngày 30/3/2022 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân từ cuối năm 2015, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Hà C, sinh ngày 29/10/2009 và Bùi Thế A, sinh ngày 27/3/2013. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thế A và giao cháu Hà C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2022, chị Võ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Hà C, sinh ngày 29/10/2009 và Bùi Thế A, sinh ngày 27/3/2013. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà C và giao cháu Thế A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H và chị Võ Thị T được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 27/3/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Hà C, sinh ngày 29/10/2009, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị T xin được vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh H và chị T đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh H và chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị T.

[5]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Võ Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/10/2009 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh H và chị T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh H và chị T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bùi Văn H và chị Võ Thị T được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Ly hôn, anh H và chị T đều yêu cầu giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 27/3/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Hà C, sinh ngày 29/10/2009. Xét thấy, cháu Thế A cũng có nguyện vọng được ở với bố, cháu Hà C có nguyện vọng được ở với mẹ, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh H và chị T.

[7]. Về tài sản: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, điểm 6 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H và chị Võ Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 27/3/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Hà C, sinh ngày 29/10/2009, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh H và chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007587 ngày 22/3/2022, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Bùi Văn H và chị Võ Thị T. Anh H và chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc